

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 541/2024/DS-PT
Ngày: 14-11-2024
V/v tranh chấp: "Hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Phong.

Các Thẩm phán: Ông Võ Ngọc Giàu.

Bà Nguyễn Thị Ánh Phương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Công Danh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:
Bà Hà Ngọc Thư Trúc - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 372/2024/TLPT-DS ngày 01 tháng 10 năm 2024 về việc tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 83/2024/DS-ST ngày 31 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 438/2024/QĐ-PT ngày 10 tháng 10 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ngân hàng Thương mại Cổ phần A;

Địa chỉ trụ sở: Toà nhà G, C H, phường Ô, quận Đ, Thành phố Hà Nội;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đào Mạnh K – chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị;

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Huy T – chức vụ: Trưởng Ban Xử lý nợ Ngân hàng TMCP A (theo Giấy uỷ quyền số 24/UQ-TGĐ.24 ngày 01/10/2024);

Người được uỷ quyền lại:

1. Ông Nguyễn Nguyên T1 – chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ - Ban xử lý nợ Ngân hàng TMCP A (theo Giấy uỷ quyền số 811/UQ-TGĐ.24 ngày 23/10/2024) (vắng mặt);

2. Ông Nguyễn Chí T2 – chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ - Ban xử lý nợ Ngân hàng TMCP A (theo Giấy uỷ quyền số 811/UQ-TGĐ.24 ngày 23/10/2024) (có mặt);

Cùng địa chỉ liên hệ: Số A đường P, Phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn:

1. Ông Nguyễn Ngọc S, sinh năm 1969 (có mặt);

2. Bà Trần Thị C, sinh năm 1967 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp H, xã K, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Nguyễn Quốc C1, sinh năm 1991 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp H, xã K, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Người kháng cáo: Bị đơn ông Nguyễn Ngọc S.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm;

Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần A (sau đây viết tắt là Ngân hàng A), có đại diện là anh Nguyễn Chí T2 trình bày:

Giữa Ngân hàng A với ông Nguyễn Ngọc S, bà Trần Thị C có ký kết Hợp đồng cho vay từng lần số 134/20/TD/XXVI ngày 27/6/2020, để ông bà vay số tiền 600.000.000 đồng, mục đích vay tiêu dùng, thời hạn vay là 120 tháng tính từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân; lãi suất được quy định trong từng giấy nhận nợ, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Để đảm bảo nghĩa vụ cho khoản vay trên, ông S, bà C và anh Nguyễn Quốc C1 (con ruột ông bà) đã ký với Ngân hàng Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 134/20/TC/XXVI ngày 27/6/2020. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất:

- Thửa đất 1803, tờ bản đồ số 01, diện tích 1.303,3m², loại đất Q.

- Thửa 3019, tờ bản đồ số 01, diện tích 64m², loại đất T.

Tất cả hai thửa đất trên đều tọa lạc tại ấp H, xã K, huyện C, tỉnh Tiền Giang, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 820647.QSĐĐ... do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp cho hộ ông Nguyễn Ngọc S ngày 27/9/2000. Hợp đồng thế chấp này được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định pháp luật vào ngày 27/6/2020.

Ngày 29/6/2020, ông S và bà C đã rút vốn số tiền 600.000.000 đồng theo Giấy nhận nợ 134/20/TD/XXVI.01, phương thức trả nợ gốc là định kỳ hàng tháng vào ngày 29 trả 5.000.000 đồng, ngày trả nợ gốc đầu tiên là 29/7/2020; lãi suất cho vay 06 tháng đầu là 6,8%/năm, từ tháng thứ 7 đến tháng thứ 12 là 9,8%/năm, tần suất thay đổi lãi suất là 3 tháng/lần kể từ ngày 29/6/2021.

Tạm tính đến hết ngày 16/10/2023, hai ông bà còn nợ Ngân hàng A: tiền nợ gốc là 435.000.000 đồng, tổng nợ lãi (trong hạn và quá hạn) là 88.990.926 đồng. Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nợ và yêu cầu ông bà thanh toán nợ gốc và lãi cho Ngân hàng, nhưng ông bà không thực hiện và tính đến ngày 25/3/2024 nợ gốc còn là 435.000.000 đồng và tổng nợ lãi trong hạn, quá hạn là 118.411.373 đồng.

Nay Ngân hàng yêu cầu các bị đơn trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc và lãi nêu trên ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Kể từ ngày 26/3/2024, các bị đơn

còn phải tiếp tục thanh toán nợ lãi cho Ngân hàng theo như đã thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay từng lần và Giấy nhận nợ mà đôi bên đã ký kết cho đến khi thanh toán xong hết nợ (gốc + lãi) cho Ngân hàng.

Trường hợp ông bà không trả nợ hoặc trả nợ không đủ cho Ngân hàng thì yêu cầu Tòa án tuyên cho phát mãi tài sản mà ông S, bà C và anh C1 đã thế chấp theo hợp đồng thế chấp nói trên, để ưu tiên thanh toán nợ cho Ngân hàng.

Bị đơn ông Nguyễn Ngọc S trình bày:

Ông thống nhất với nội dung mà ông T2 trình bày tại phiên hòa giải ngày 25/3/2024; ông thừa nhận vợ chồng ông còn nợ Ngân hàng số tiền nợ gốc là 435.000.000 đồng và nợ lãi (lãi trong hạn, quá hạn) là 118.411.373 đồng.

Do hoàn cảnh khó khăn nên vợ chồng ông vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng.

Nay xin trả số nợ trên trong thời gian 02 tháng tính từ ngày 03/4/2024 đến ngày 03/6/2024. Trong trường hợp không trả hoặc trả không đủ tiền nợ gốc và lãi cho Ngân hàng theo như hợp đồng tín dụng và giấy nhận nợ mà đôi bên đã ký kết thì ông đồng ý đề cơ quan Nhà nước có thẩm quyền tiến hành kê biên, phát mãi tài sản mà ông, bà C, anh C1 đã ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất với Ngân hàng như đại diện Ngân hàng đã trình bày.

Bị đơn bà Trần Thị C, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Quốc C1 mặc dù đã được Tòa án cấp sơ thẩm nhiều lần tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập tham dự các phiên hòa giải và công khai chứng cứ, tham dự phiên tòa sơ thẩm, Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ nhưng vẫn không nộp cho Tòa án văn bản phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Đại diện nguyên đơn vẫn giữ nguyên các yêu cầu khởi kiện đối với các bị đơn: Yêu cầu vợ chồng bị đơn liên đới trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc và các khoản tiền lãi tính đến ngày 31/5/2024 là: 435.000.000 đồng (nợ gốc) + 122.339.520 đồng (lãi trong hạn) + 8.563.526 đồng (lãi quá hạn). Tổng cộng là 565.903.046 đồng. Kể từ ngày 01/6/2024, yêu cầu phía bị đơn tiếp tục trả lãi cho nguyên đơn như đã thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay từng lần và Giấy nhận nợ mà đôi bên đã ký kết. Trong trường hợp không trả hoặc trả không đầy đủ thì yêu cầu cơ quan có thẩm quyền tiến hành kê biên, phát mãi tài sản mà ông S, bà C, anh C1 đã ký tại Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 134/20/TC/XXVI ngày 27/6/2020 để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Ông S, bà C, anh C1 tiếp tục vắng mặt không có lý do.

Bản án dân sự sơ thẩm số 83/2024/DS-ST ngày 31 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang đã căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, khoản 1 Điều 466, Điều 288, Điều 299, Điều 303 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần A đối với các bị đơn Nguyễn Ngọc S và Trần Thị C.

Buộc ông Nguyễn Ngọc S và bà Trần Thị C có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn tổng số tiền nợ tính đến ngày 31/5/2024 là 565.903.046 (năm trăm sáu mươi lăm triệu, chín trăm lẻ ba nghìn, không trăm bốn mươi sáu) đồng, trong đó nợ gốc là 435.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 122.339.520 đồng, nợ lãi quá hạn là 8.563.526 đồng. Thực hiện ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 01/6/2024, ông Nguyễn Ngọc S và bà Trần Thị C còn phải có nghĩa vụ trả tiếp các khoản tiền lãi theo mức lãi suất được các bên thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay từng lần số 134/20/TD/XXVI ngày 27/6/2020 và Giấy nhận nợ số 134/20/TD/XXVI.01 (kèm theo Hợp đồng cho vay từng lần số 134/20/TD/XXVI ngày 27/6/2020) cho đến khi các bị đơn trả hết nợ cho nguyên đơn.

Trường hợp các bị đơn không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ cho nguyên đơn thì nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý toàn bộ tài sản đã thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 134/20/TC/XXVI ngày 27/6/2020 để thu hồi nợ. Ngân hàng Thương mại Cổ phần A được quyền ưu tiên thanh toán.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và quyền, nghĩa vụ thi hành án của các đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 13/6/2024, bị đơn ông Nguyễn Ngọc S có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm với nội dung: Ông S xin trả dần số nợ 565.903.046 đồng, hàng tháng trả 20.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm;

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Án sơ thẩm giải quyết là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Ông S kháng cáo xin trả dần mỗi tháng 20.000.000 đồng cho đến khi trả hết 565.903.046 đồng nhưng không được phía Ngân hàng chấp nhận nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông S, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ông Nguyễn Ngọc S nộp đơn kháng cáo và thực hiện thủ tục kháng cáo hợp lệ, trong thời hạn luật định nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

Bà Trần Thị C và anh Nguyễn Quốc C1 đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không lý do, căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà C, anh C1.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Ngọc S, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Căn cứ Hợp đồng cho vay từng lần số 134/20/TD/XXVI ngày 27/6/2020, Giấy nhận nợ số 134/20/TD/XXVI.01 (kèm theo hợp đồng) thì ông Nguyễn Ngọc S và bà Trần Thị C có vay của Ngân hàng TMCP A – Chi nhánh T3 số tiền 600.000.000 đồng, thời hạn vay 120 tháng, phương thức trả nợ gốc là định kỳ hàng tháng vào ngày 29 trả 5.000.000 đồng, ngày trả nợ gốc đầu tiên là 29/7/2020; lãi suất cho vay 06 tháng đầu là 6,8%/năm, từ tháng thứ 7 đến tháng thứ 12 là 9,8%/năm, tần suất thay đổi lãi suất là 3 tháng/lần kể từ ngày 29/6/2021.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông S và bà C nhiều lần vi phạm nghĩa vụ trả nợ (bao gồm nghĩa vụ trả nợ gốc, nợ lãi, nợ lãi quá hạn...) dù đã được Ngân hàng nhắc nhở nhiều lần và tạo điều kiện cho trả nợ.

Theo Ngân hàng, tính đến ngày 31/5/2024, ông S và bà C còn nợ Ngân hàng 435.000.000 đồng tiền vốn, 122.339.520 đồng tiền lãi trong hạn và 8.563.526 đồng tiền lãi quá hạn, tổng cộng 565.903.046 đồng. Ông S thừa nhận tính đến ngày 31/5/2024, ông còn nợ Ngân hàng tổng cộng 565.903.046 đồng. Đối với bà C đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt không lý do, cũng không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng nên xem như bà cũng thừa nhận khoản nợ này.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ Điều 463, khoản 1 Điều 466, Điều 288 Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 7, Điều 8, Điều 12 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; chấp nhận yêu cầu trả nợ gốc và lãi của Ngân hàng là có cơ sở. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông S và bà C trả ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật là tước bỏ quyền thỏa thuận thi hành án của các bên trong giai đoạn thi hành án, chưa phù hợp quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; cần rút kinh nghiệm.

Đối với yêu cầu của Ngân hàng buộc ông S và bà C phải tiếp tục trả lãi phát sinh kể từ ngày 01/6/2024 cho đến khi trả hết nợ gốc cho Ngân hàng theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay từng lần và G nhận nợ là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu này của Ngân hàng là có căn cứ.

[2.2] Tại phiên tòa hôm nay, ông S xin trả dần mỗi tháng 20.000.000 đồng cho đến khi trả hết 565.903.046 đồng còn nợ Ngân hàng. Xét thấy, ông S và bà C đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, kéo dài thời gian trả nợ làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng, đại diện Ngân hàng cũng không đồng ý với yêu cầu trả nợ dần của ông S, ông S cũng không cung cấp được tài liệu chứng cứ mới làm thay đổi bản chất vụ án nên yêu cầu này của ông S không có cơ sở chấp nhận.

[2.3] Các nội dung khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Xét ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang là có căn cứ, phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Ông S phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm do yêu cầu kháng cáo của ông không được chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Ngọc S. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 83/2024/DS-ST ngày 31 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 147, khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, khoản 1 Điều 466, Điều 288, Điều 299, Điều 303 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần A đối với các bị đơn Nguyễn Ngọc S và Trần Thị C.

Buộc ông Nguyễn Ngọc S và bà Trần Thị C có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A tổng số tiền nợ tính đến ngày 31/5/2024 là 565.903.046 (năm trăm sáu mươi lăm triệu, chín trăm lẻ ba nghìn, không trăm bốn mươi sáu) đồng, trong đó nợ gốc là 435.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 122.339.520 đồng, nợ lãi quá hạn là 8.563.526 đồng.

Kể từ ngày 01/6/2024, ông Nguyễn Ngọc S và bà Trần Thị C còn phải có nghĩa vụ trả tiếp các khoản tiền lãi theo mức lãi suất được các bên thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay từng lần số 134/20/TD/XXVI ngày 27/6/2020 và Giấy nhận nợ số 134/20/TD/XXVI.01 (kèm theo Hợp đồng cho vay từng lần số 134/20/TD/XXVI ngày 27/6/2020) cho đến khi các bị đơn trả hết nợ cho nguyên đơn.

Trường hợp các bị đơn không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ cho nguyên đơn thì nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý

toàn bộ tài sản đã thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 134/20/TC/XXVI ngày 27/6/2020 để thu hồi nợ. Ngân hàng Thương mại Cổ phần A được quyền ưu tiên thanh toán.

2. Về án phí:

2.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Ngọc S và bà Trần Thị C phải liên đới chịu 26.636.000 (hai mươi sáu triệu, sáu trăm ba mươi sáu nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A số tiền 12.480.000 (mười hai triệu, bốn trăm tám mươi nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0010789 ngày 03/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2.2. Án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Nguyễn Ngọc S phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0011425 ngày 13/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang, xem như đã nộp xong.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện C;
- CCTHADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Phong